

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRẦN VĂN ƠN

Số: 32 /QĐ - THPTTVO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

về việc công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách

Năm 2025 của trường trung học phổ thông Trần Văn ƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức đtợc ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức đợc ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-SGDĐT ngày 06/08/2025 của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc dự toán ngân sách năm 2025 của Trường trung học phổ thông Trần Văn ƠN (Sau sắp xếp);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Năm 2025 của Trường trung học phổ thông Trần Văn ƠN (theo biểu mẫu số 03 đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời gian công khai là 90 ngày

Điều 3: Các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu VT



Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017

Thông tư số của Bộ Tài chính và 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN VĂN ON**

Chương: 422 - 074

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 32/QĐ-THPTTVO ngày 10/03/2026 của Trường trung học phổ thông Trần Văn On)

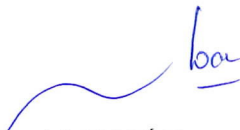
Đơn vị tính: đồng.

SỐ TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Năm 2025	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý/ năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.383.171.850	27.183.702.219	570,26%	146,07%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	28.383.171.850	27.183.702.219	570,26%	146,07%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.410.977.000	12.311.878.881	99,20%	78,10%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương (TX)	5.410.465.000	5.361.922.043	99,10%	
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.577.779.850	1.497.736.056	94,93%	67,97%
3.4	Kinh phí không tự chủ	2.102.671.000	1.963.574.186	93,38%	
3.5	Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương (KTX)	5.581.598.000	4.773.234.905	85,52%	
3.6	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (KTX)	1.299.681.000	1.275.356.148	98,13%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Chi Chương trình mục tiêu				

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2026

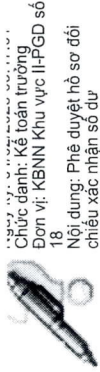
Phụ trách kế toán

Phó hiệu trưởng phụ trách trường


Đinh Thị Tố Hoa




Nguyễn Hoài Thu



Mã chương: 422

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Trần Văn Ôn

Mã ĐVQHNS: 1085127

Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
				Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	237.779.850	1.340.000.000	1.340.000.000	1.577.779.850	1.497.736.056	1.497.736.056	0	0	0	80.043.794
13	074	00000	0	17.772.899.043	17.772.899.043	17.772.899.043	17.673.800.924	17.673.800.924	0	0	0	99.098.119
14	074	00000	0	5.630.140.957	5.630.140.957	5.630.140.957	4.773.234.905	4.773.234.905	0	0	0	856.906.052
15	074	00000	0	2.102.671.000	2.102.671.000	2.102.671.000	1.963.574.186	1.963.574.186	0	0	0	139.096.814
18	074	00000	0	1.299.681.000	1.299.681.000	1.299.681.000	1.275.356.148	1.275.356.148	0	0	0	24.324.852
28	074	00000	0	0	0	0	0	0	0	0	102.000.000	0
Cộng:			237.779.850	28.145.392.000	28.145.392.000	28.383.171.850	27.183.702.219	27.183.702.219	0	0	102.000.000	1.199.469.631
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 2 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 2 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị